

NGHỊ QUYẾT số 71/2026/NQ-HĐND

Cơ quan ban hành: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội · **Ngày ban hành:** 15/06/2026 · **Hiệu lực từ:** 01/07/2026 · **Trạng thái:** Còn hiệu lực · **Người ký:** Chủ tịch Phùng Thị Hồng Hà

Liên quan đến đường sắt đô thị: đây là văn bản quy định **trợ giá và ưu đãi giá vé đường sắt đô thị**. Điều 4 khoản 4 nêu nguyên tắc trợ giá gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, có lộ trình giảm dần. Điều 4 khoản 5 điểm d: **hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu** khi tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác thương mại. Đây là các khoản Nhà nước chi cho đơn vị vận hành metro — phải kiểm khi kiểm toán.

Con số cần nhớ: hỗ trợ **100%** phí đường bộ, cầu đường, bến bãi, bảo hiểm hành khách cho vận tải công cộng khối lượng lớn · hỗ trợ **100%** thuế nhập khẩu thiết bị, phương tiện trong nước chưa sản xuất được · hỗ trợ **70%** lãi vay, tối đa **10 năm** · hỗ trợ **50%** giá vé tháng cho học sinh, sinh viên, công nhân khu công nghiệp · **miễn** vé cho người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ dưới 6 tuổi, hộ nghèo.

Bản trích xuất toàn văn từ Cổng Pháp luật quốc gia (phapluat.gov.vn). Không phải bản PDF có chữ ký số.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM — Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 71/2026/NQ-HĐND	Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Thực hiện điểm b khoản 1 Điều 13 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Thủ đô số 02/2026/QH16; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật số 87/2025/QH15; Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 về hoạt động vận tải đường bộ; Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Xét các Tờ trình của Ủy ban nhân dân Thành phố số 158/TTr-UBND ngày 29/5/2026 và số 254/TTr-UBND ngày 10/6/2026; Báo cáo thẩm tra số 136/BC-HĐND ngày 11/6/2026 của Ban Đô thị; các văn bản tiếp thu, giải trình số 240/BC-UBND ngày 12/6/2026 và số 2769/UBND-TH ngày 14/6/2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển vận tải; hạn chế phương tiện cá nhân vào khu vực trung tâm trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chương I — QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số chính sách phát triển vận tải hành khách, vận tải hàng hóa và logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Quy định các biện pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực **kinh doanh vận tải đường bộ, đường sắt đô thị**.
2. Tổ chức, cá nhân tham gia giao thông bằng phương tiện cơ giới đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội.
3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **Logistics đô thị** là hoạt động tổ chức, quản lý vận chuyển, lưu giữ, phân phối hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong khu vực đô thị nhằm bảo đảm lưu thông hàng hóa hiệu quả, giảm chi phí logistics, giảm ùn tắc giao thông và tác động đến môi trường.
2. **Giao nhận hàng hóa không tiếp xúc** là phương thức giao nhận hàng hóa thông qua ứng dụng công nghệ hoặc điểm giao nhận trung gian mà không yêu cầu người giao hàng và người nhận hàng tiếp xúc trực tiếp với nhau.

Chương II — CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VẬN TẢI, LOGISTICS VÀ HẠN CHẾ PHƯƠNG TIỆN CÁ NHÂN

Điều 4. Phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng

1. Quy hoạch hạ tầng và tổ chức giao thông:

- a) Bảo đảm quỹ đất đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng vận tải hành khách công cộng, bao gồm **đề-pô, trạm trung chuyển, ga đường sắt đô thị**, nhà chờ, điểm

dừng đỗ, làn đường ưu tiên và các công trình phụ trợ phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm; tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải hành khách công cộng và các phương thức vận tải khác;

b) Xe buýt được ưu tiên về tổ chức giao thông đảm bảo lưu hành thông suốt, thuận tiện, an toàn cho hành khách;

c) Tổ chức các loại hình vận tải kết nối **chặng đầu – chặng cuối**, kết nối các phương thức, loại hình vận tải trong đô thị. Chuẩn hóa các điểm đầu cuối, điểm dừng xe buýt, nhà chờ.

2. Đổi mới phương tiện:

a) Các phương tiện sử dụng trong hoạt động vận tải hành khách công cộng phải đảm bảo điều kiện an toàn cho hành khách, hiện đại, áp dụng công nghệ tiên tiến và đạt tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường;

b) Sử dụng phương tiện năng lượng sạch, xanh, thân thiện với môi trường khi mở mới các tuyến buýt;

c) Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt chuyển đổi từ phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh.

3. Cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng:

a) Ngân sách Thành phố **hỗ trợ 100% tiền phí sử dụng đường bộ, phí cầu đường, bến bãi, bảo hiểm hành khách thu hộ** đối với các phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn;

b) Ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng **100% tiền thuế nhập khẩu** các thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn — đối với các thiết bị, phương tiện trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường;

c) Ngân sách Thành phố hỗ trợ kinh phí tương ứng **70% tiền lãi vay** ngân hàng hoặc lãi vay từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố với toàn bộ giá trị hợp đồng vay được thực hiện trong thời gian vay vốn (**tối đa không quá 10 năm**) theo dự án — đối với doanh nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đầu tư mua sắm xe buýt điện, năng lượng xanh và hệ thống hạ tầng (trạm biến áp, trạm sạc, trạm nạp khí), theo danh sách hỗ trợ lãi suất đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

4. Phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả khai thác, **giảm dần phụ thuộc trợ giá** từ ngân sách nhà nước.

Trợ giá đối với vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và đường sắt đô thị gắn với sản lượng, chất lượng dịch vụ và hiệu quả vận hành, bảo đảm công khai,

minh bạch; thực hiện lộ trình giảm dần trợ giá phù hợp với điều kiện phát triển của hệ thống vận tải hành khách công cộng và bảo đảm an sinh xã hội.

5. Ưu đãi sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đường sắt đô thị:

- a) Người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, đường sắt đô thị được ngân sách Thành phố **hỗ trợ giá vé theo từng tuyến**;
- b) Thành phố **miễn tiền vé** đối với người có công, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dưới 6 tuổi, nhân khẩu thuộc hộ nghèo;
- c) **Hỗ trợ 50% giá vé tháng** đối với học sinh, sinh viên, công nhân các khu công nghiệp;
- d) **Hỗ trợ 100% giá vé trong 15 ngày đầu** kể từ khi các tuyến đường sắt đô thị bắt đầu khai thác vận hành thương mại;
- e) Các chính sách ưu đãi khác thực hiện theo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện giao thông đường bộ từ sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch.

Điều 5. Phát triển loại hình vận tải hành khách khác

- 1. Xây dựng hệ thống **bến xe khách liên tỉnh mới kết hợp mạng lưới đường sắt đô thị**, bãi đỗ xe trung chuyển đa phương tiện, bến xe buýt tạo thành các **Trung tâm trung chuyển hành khách đa phương thức** phù hợp với Quy hoạch tổng thể Thủ đô Hà Nội tầm nhìn 100 năm.
- 2. Xe taxi và xe hợp đồng dưới 08 chỗ (không kể chỗ người lái) sử dụng hợp đồng điện tử được ưu tiên bố trí điểm đón, trả khách tại: bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, **nhà ga đường sắt đô thị**, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối xe buýt, khu đô thị và trên các tuyến phố đủ điều kiện hạ tầng.
- 3. Xe đạp công cộng, xe đạp điện công cộng, xe máy điện công cộng được ưu tiên bố trí vị trí đỗ tại: bệnh viện, trung tâm thương mại, trường học, khu dân cư, khu du lịch, cảng hàng không, **nhà ga đường sắt đô thị**, bến xe, điểm trung chuyển, điểm đầu cuối và điểm dừng xe buýt, khu đô thị và các lòng đường, vỉa hè có đủ chiều rộng.
- 4. Đối với các tuyến đường, tuyến phố xây mới, các khu đô thị, khu dân cư mới cần có **làn đường dành riêng cho xe đạp**, đồng thời nghiên cứu bổ sung đối với các dự án cải tạo, nâng cấp.
- 5. Có lộ trình cụ thể bố trí quỹ đất làm điểm đặt xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện công cộng tại các điểm gửi xe phục vụ chuyển đổi phương tiện giao thông xanh theo quy hoạch.

6. Xây dựng và phát triển **hệ sinh thái vận tải số**: thúc đẩy ứng dụng tích hợp đặt xe, đặt vé, thanh toán điện tử liên thông; triển khai nền tảng quản lý vận tải đa phương thức và hệ thống thông tin hỗ trợ người dân.

7. Khuyến khích triển khai **thử nghiệm** các loại hình vận tải ứng dụng công nghệ cao, phương tiện vận tải mới trong đô thị và các giải pháp giao thông thông minh khác theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về thử nghiệm có kiểm soát.

8. Tổ chức, cá nhân chuyển đổi phương tiện giao thông sang sử dụng năng lượng sạch được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết riêng của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Điều 6. Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải

1. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định **tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ vận tải** phù hợp với từng loại hình; tổ chức đánh giá, công bố chất lượng dịch vụ vận tải trên địa bàn Thành phố.

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có trách nhiệm áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ theo quy định; duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và logistics áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ.

Điều 7. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị

1. Phát triển vận tải hàng hóa và logistics đô thị theo hướng hiện đại, hiệu quả, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số; giảm áp lực giao thông đô thị, giảm phát thải khí nhà kính.

2. Bố trí quỹ đất phát triển hệ thống **trung tâm logistics, cảng cạn ICD, kho bãi, kho lạnh, kho thông minh** theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khuyến khích phát triển **giao nhận hàng hóa không tiếp xúc** tại tòa nhà, khu chung cư, khu đô thị, trung tâm thương mại, khu công nghiệp.

4. Việc tổ chức vận tải hàng hóa và logistics đô thị được thực hiện trên cơ sở: a) tổ chức mạng lưới trung chuyển hàng hóa phù hợp với từng khu vực; b) phân vùng hoạt động vận tải hàng hóa phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông; c) quản lý hoạt động vận tải hàng hóa theo tải trọng và chủng loại phương tiện.

5. Phương tiện vận tải sử dụng năng lượng sạch, xanh, thân thiện môi trường được ưu tiên sử dụng các điểm trung chuyển, điểm dừng đỗ phục vụ giao nhận hàng hóa.

Điều 8. Hạn chế phương tiện cá nhân

1. Thực hiện **phân vùng hoạt động** của một số loại phương tiện cơ giới đường bộ phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng.

2. Thực hiện **các biện pháp kinh tế** nhằm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố: quy định khung giờ cao điểm, ngoài giờ cao điểm đối với từng loại phương tiện cơ giới đường bộ; **thực hiện thí điểm hạn chế phương tiện cá nhân và thu phí giảm ùn tắc giao thông**, đánh giá hiệu quả, tác động xã hội làm cơ sở mở rộng phạm vi hạn chế, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố.

Chương III — TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; ban hành kế hoạch thực hiện, phân công trách nhiệm cụ thể;

b) Bố trí kinh phí từ ngân sách Thành phố và huy động các nguồn lực hợp pháp khác;

c) Tổ chức xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án phát triển vận tải hành khách công cộng, giao thông xanh, giao thông thông minh; xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và **trung tâm điều hành giao thông thông minh**;

d) Nghiên cứu, thí điểm và khuyến khích ứng dụng các công nghệ, phương tiện giao thông mới, phương tiện sử dụng năng lượng sạch, phương tiện tự hành, phương tiện bay không người lái phục vụ giao thông, logistics;

đ) Nghiên cứu, xây dựng **lộ trình giảm dần trợ giá** đối với vận tải hành khách công cộng; phương án hạn chế phương tiện giao thông cá nhân, phương án thu phí giảm ùn tắc giao thông;

e) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết; kiểm tra, thanh tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chính sách; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố;

g) Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, kịp thời báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân và tham gia giám sát.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Các quy định sau đây **hết hiệu lực** kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực:
 - a) **Điều 2** Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;
 - b) Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án, phương án, hợp đồng và các nội dung hỗ trợ **đã được phê duyệt hoặc ký kết trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực** thì tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND cho đến khi kết thúc thời hạn thực hiện hoặc có quyết định khác.
2. Các hồ sơ, dự án, phương án đang trong quá trình lập, thẩm định, xem xét phê duyệt nhưng **chưa được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực** thì thực hiện theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội Khóa XVII, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH — Phùng Thị Hồng Hà